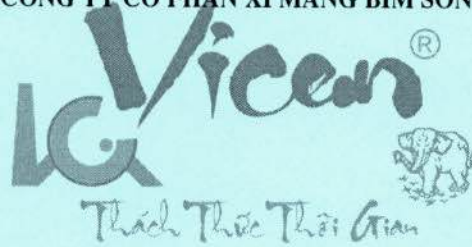


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



Bỉm sơn, tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN
Năm 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800232620
- Vốn điều lệ: 956.613.970.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 956.613.970.000 đồng
- Địa chỉ: Phường Ba Đình - Thị xã Bỉm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
- Số điện thoại: (037) 3.824.242
- Số fax: (037) 3.824.046
- Website: <http://ximangbimson.com.vn>
- Mã cổ phiếu: BCC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Từ năm 1968 đến năm 1974 công trình xi măng Bỉm Sơn bắt đầu khảo sát, thăm dò địa chất và chính thức khởi công. Sau quá trình xây dựng nhà máy từ năm 1975 đến năm 1980 Chính phủ đã ra Quyết định số 334/BXD-TCCB ngày 04/03/1980 thành lập Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.

Nhà máy xi măng Bỉm Sơn có công suất thiết kế 1,2 triệu tấn sản phẩm/năm với trang thiết bị kỹ thuật công nghệ hiện đại của Liên Xô (cũ). Được trang bị hai dây chuyền với công nghệ theo phương pháp ướt, mỗi dây chuyền có công suất 0,6 triệu tấn/năm.

Ngày 22/12/1981, sau 2 năm thi công, dây chuyền số 1 của nhà máy chính thức đi vào hoạt động, và những bao xi măng đầu tiên mác P400 nhãn hiệu “Con voi” đã chính thức xuất xưởng.

Ngày 6/11/1983, dây chuyền số 2 được hoàn thành và bắt đầu đi vào hoạt động. Từ năm 1982 đến 1985, các đơn vị tiếp tục xây lắp và hoàn chỉnh nhà máy.

Ngày 12/8/1993, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 366/BXD-TCLĐ hợp nhất Công ty kinh doanh Vật tư số 4 và Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, đổi tên thành Công ty xi măng Bỉm Sơn, là công ty nhà nước trực thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

Tháng 3/1994, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Dự án đầu tư cải tạo hiện đại hoá dây chuyền số 2 Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, chuyển đổi công nghệ ướt sang công nghệ khô hiện đại. Dự án được khởi công ngày 13/01/2001 do hãng IHI Nhật Bản trúng thầu nâng công suất lò nung số 2 từ 1.750 tấn Clinker/ngày lên 3.500 tấn Clinker/ngày.

Ngày 23/03/2006 Bộ Xây dựng ra Quyết định số 486/QĐ-BXD chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty xi măng Bỉm Sơn thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam thành Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn.

Ngày 01/05/2006, Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn đã chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ 900 tỷ đồng; trong đó: vốn nhà nước chiếm 89,58% tương đương 806,223 tỷ đồng.

Ngày 20/09/2006, Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn bán đấu giá lần 2, tỷ lệ phần vốn nhà nước nắm giữ còn 74,04%, các cổ đông khác 25,96%.

Ngày 24/11/2006 Công ty đã chính thức được cấp giấy Niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm GDCK Hà Nội do UBCKNN cấp.

Ngày 01/03/2007, Công ty chuyển đổi mô hình tiêu thụ từ hình thức Đại lý hưởng hoa hồng sang hình thức Đại lý bao tiêu (Nhà phân phối chính); đồng thời chuyển chức năng nhiệm vụ của các Chi nhánh tại các tỉnh trước đây thành Văn phòng đại diện tại các tỉnh.

Ngày 07/11/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn, số lượng cổ phiếu chào bán là: 10.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;

Ngày phát hành (ngày chào bán cổ phiếu): ngày 7/12/2007;

Ngày kết thúc chào bán: ngày 31/12/2007;

Thời hạn đăng ký mua: từ ngày 7/12/2007 đến hết ngày 31/12/2007;

Kết quả chào bán cổ phiếu như sau:

- Bán ưu đãi cho cổ đông hiện hữu đã lưu ký : 4.445.897 cổ phiếu;
- Bán ưu đãi cho cổ đông hiện hữu chưa lưu ký: 6.795 cổ phiếu;
- Bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên trong Công ty: 1.215.500 cổ phiếu;
- Bán đấu giá: bằng không (vì lý do số lượng nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá không đủ số lượng theo quy định nên cuộc đấu giá bị hủy);

Ngày 31/12/2007, kết quả tiền thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty là: 113.227.940.000 đồng (theo giá bán ưu đãi là 20.000 đồng/cổ phiếu) tương đương với số cổ phiếu tăng lên là 5.661.397 cổ phiếu;

Sau khi báo cáo kết quả phát hành chào bán cổ phiếu, vốn điều lệ Công ty tăng từ 900 tỷ đồng lên 956,6 tỷ đồng;

Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt chào bán:

Danh mục	ĐVT: 1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết (Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam)	699.720.620	73,146
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	256.893.350	26,854

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

* Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu xi măng, clinker.
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác.

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình kỹ thuật hạ tầng; Sản xuất bê tông thương phẩm và các cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Sửa chữa, trung tu, đại tu các loại ô tô, máy xúc, máy ủi, xe cẩu.
- Tư vấn đầu tư xây dựng, lập dự án, quản lý dự án.
- Gia công chế tạo các mặt hàng cơ khí, khai thác chế biến khoáng sản sản xuất xi măng, kinh doanh các loại phụ gia xi măng.
- Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp, kinh doanh bất động sản.

** Địa bàn kinh doanh:*

Sản phẩm xi măng và clinker của Công ty được tiêu thụ trên những thị trường chủ yếu là Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Định, Tây nguyên. Riêng clinker, công ty chủ yếu cấp cho đơn vị công ty thuê gia công như: Công ty Thạch cao xi măng, Công ty xi măng Hải Vân để nghiền và đóng bao tại Quảng Bình, và Công ty CP xi măng Miền Trung để phục vụ cho địa bàn Quảng Ngãi, Quảng Nam, Khánh Hòa và Tây Nguyên.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

** Mô hình quản trị:*

- Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị (bao gồm các Ủy ban chức năng); Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc và các Trưởng phòng khối chức năng. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua trưởng phụ trách khối.

- Nhìn chung, mô hình quản trị mới đã được xây dựng và tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã bước đầu tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế, Hội đồng quản trị đã thành lập các Ủy ban, Hội đồng chức năng giúp việc để có thể thực hiện công tác chỉ đạo chiến lược, kiểm toán, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự cao cấp và đầu tư.

** Cơ cấu bộ máy quản lý:*

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của công ty bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và 01 Kế toán trưởng; là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đã thông qua.

Tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng gồm:

- 09 Phòng ban
- 06 Phân xưởng
- 01 Ban quản lý dự án
- 01 Xí nghiệp tiêu thụ
- 01 Chi nhánh Quảng Trị
- 01 Trạm KD Xăng dầu Nnh Bình
- 01 Ban kiểm toán nội bộ

* Các công ty con:

a. Tên công ty: Công ty cổ phần xi măng Miền Trung

Tên công ty viết tắt: CRC.,JSC.

b. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tân Hy, Xã Bình Đông, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

c. Ngành, nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

d. Vốn điều lệ: 129.600.000.000 đồng, tương ứng 12.960.000 cổ phần.

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại CRC là 9.953.280 cổ phần tương ứng 76,8%.

5. Định hướng phát triển

Môi trường kinh doanh 2016

* Kinh tế thế giới và trong nước:

- Kinh tế Thế giới 2016 sẽ chứng kiến diễn biến phức tạp hơn, nhất là tác động đan xen chính sách của các nước lớn và cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng khoảng 3,6% trong năm 2016, thấp hơn con số dự báo trước đó.

- Năm 2016 mục tiêu GDP tăng 6,7%, tỷ lệ lạm phát <5%. Tỷ lệ đầu tư toàn xã hội đạt 31% GDP. Hội nhập quốc tế sâu rộng, Tuy nhiên, những rủi ro nước ta có thể sẽ gặp phải đó là quá trình tái cơ cấu chậm chạp, nợ xấu chưa được xử lý triệt để.

* Ngành xi măng:

Tổng nguồn cung khoảng >81 triệu tấn, trong đó vừa bổ sung thêm nguồn cung do Xi măng Công thành- Thanh hóa (3 triệu tấn XM/năm) vừa đi vào hoạt động và xi măng Sông Lam (Nghệ An) thuộc tập đoàn Vissai (4 triệu tấn XM/năm) sẽ đưa vào hoạt động vào cuối năm.

Năm 2016 nhu cầu tiêu thụ xi măng toàn ngành khoảng 75 - 77 triệu tấn, tăng 4 - 7% so với năm 2015; trong đó tiêu thụ nội địa khoảng 59 - 60 triệu tấn và xuất khẩu 16-17 triệu tấn.

Từ những thách thức nêu trên để phát triển một cách bền vững Công ty đặt ra các mục tiêu phân đầu và thực hiện trong năm 2016 ở các lĩnh vực cụ thể như sau

a, Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

* Mục tiêu về sản xuất:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016
Sản xuất Clinker	Tấn	2.950.000
Lò 2	”	1.173.000
Lò 3	”	1.777.000

- Tập trung duy trì ổn định hoạt động sản xuất sau khi thực hiện tái cấu trúc.
- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai thực hiện nhằm cải thiện chất lượng clinker trung bình 56 MPa và tiêu hao than ≤ 800 kcal/kg clinker.
- Triển khai các thủ tục liên quan trong việc cải tạo hệ thống cooler 2, hệ thống DCS dây chuyền 2 nhằm nâng cao năng suất thiết bị và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Thực hiện sửa chữa, cải tạo hệ thống máy nghiền xi măng tại CN Quảng Trị.
- Lựa chọn được nhà thầu khoan nổ, và vận tải đá từ bãi 17,18,19 về CT22 và triển khai thực hiện trong quý II/2016.
- Hỗ trợ Xi măng Miền Trung nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực xuất hàng và mở rộng thị trường theo định hướng của Vicem.
- Thực hiện sửa chữa, duy trì hoạt động song song với quá trình mua mới thay thế vành răng lò nung số 3 đảm bảo ổn định quá trình sản xuất.

- Triển khai thuê ngoài công tác khai thác, vận chuyển đá.

* Mục tiêu về tiêu thụ:

- Sản lượng:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016
Tổng tiêu thụ	Tấn	4.100.000
Xi măng	”	3.650.000
Clinker bán	”	450.000

- Thị phần:

Hà Nội	Nam Định	Thanh Hóa	Nghệ An	Hà Tĩnh	Quảng Bình	Quảng Trị	TT Huế	Quảng Ngãi
40	35	55	13	30	30	56	20	35

- Đánh giá, sắp xếp lại hệ thống NPP. Thực hiện tốt công tác chăm sóc và gia tăng lợi ích cho khách hàng.

- Đầu tư nguồn lực để lấy lại thị phần và sản lượng tại địa bàn nam Quảng Nam, Quảng Ngãi và bắc Bình Định.

- Đẩy mạnh tiêu thụ xi măng rời cho phân khúc các trạm trộn và các công trình lớn trên địa bàn.

- Phối hợp với các đơn vị thành viên trong Vicem để thống nhất giá bán và cơ chế chính sách trên từng địa bàn một cách kịp thời trước những phản ứng của đối thủ, giữ vững thị phần của Vicem.

- Hoàn thiện quy trình và triển khai thực hiện việc vào, ra lấy hàng tại Cổng 7.

* Mục tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016
Doanh thu	Triệu đồng	4.061.483
Lợi nhuận	"	260.608
Nộp NSNN	"	163.968
EBITDA	"	645.802
Chia cổ tức năm 2016 (bằng cổ phiếu)	%	10

- Xây dựng kế hoạch tài chính cho các dự án, trả nợ, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị.

- Nâng cao quản lý công nợ, công tác tài chính nhằm giảm thiểu các rủi ro.

- Giảm vốn vay lưu động.

- Đưa ra phương án phát hành thêm cổ phiếu trong năm 2016.

* Mục tiêu đầu tư:

- Dự án chuyển đổi công nghệ NXM đến đóng bao: Bám sát nhà thầu, phối hợp giải quyết những vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo đúng tiến độ đề ra đáp ứng nâng cao năng lực sản xuất, đang dạng hóa sản phẩm.

- Dự án sửa chữa và cải tạo cooler lò 2: Phát hành hồ sơ mời thầu và tổ chức chấm thầu và thực hiện theo tiến độ đề ra nhằm giải quyết tồn tại dòng sông đỏ của cooler dây chuyền 2, nâng cao năng suất và tuổi thọ thiết bị.

- Công tác thanh lý dây chuyền 1: Nhà thầu nộp báo cáo về định giá tài sản và phương án tháo dỡ và thực hiện theo tiến độ đề ra.

- Dự án Trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn: Tiếp tục xây dựng hàng rào
- Dự án nâng cấp mở rộng trạm nghiên Quảng Trị: Thực hiện các thủ tục liên quan trong quá trình đầu tư .
- Dự án xây dựng kho chứa: Lập phương án xây dựng kho chứa nguyên liệu điều chỉnh, phụ gia xi măng (sắt, silic, bazan, thạch cao...) thay thế kho 14.
- Dự án chuyển đổi công nghệ nâng công suất dây chuyền 1: Tiếp tục nghiên cứu lập phương án nhiệm vụ khảo sát, thăm dò khoáng sản.
- Công ty cổ phần xi măng Miền Trung: Thực hiện mua và nắm giữ 100% cổ phần.
- * Mục tiêu về quản trị:
 - Phối hợp với OCD chuẩn hóa chức danh, xác định khung năng lực, bản mô tả công việc, làm cơ sở để đào tạo, bổ sung, hoàn thiện và đánh giá kết quả thực hiện công việc.
 - Tiếp tục phối hợp với các đơn vị để hoàn thiện mô hình tổ chức; Kiện toàn công tác cán bộ cấp Tổ các Xưởng tái cấu trúc. Đặc biệt hoàn thiện mô hình đội tuần tra thiết bị.
 - Báo cáo kết quả quy hoạch cán bộ cấp Công ty quản lý giai đoạn 2016 - 2021.
 - Hoàn thiện thang bảng lương mới theo yêu cầu VICEM, phần đầu áp dụng từ quý 4/2016. Xây dựng và triển khai thực hiện phương án phân phối tiền lương 206 đảm bảo công bằng tạo động lực cho người lao động.
 - Thực hiện thuê ngoài công tác bảo vệ nhà máy.
 - Hỗ trợ các đơn vị sử dụng, theo dõi thiết bị trên hệ thống Facilio tích hợp với hệ thống ERP.
 - Hỗ trợ và hướng dẫn các đơn vị đưa hệ thống ERP vào sử dụng.
 - Chuyển đổi phần mềm cho việc xuất, nhập hàng qua bàn cân công 7.
 - Hoàn thành và tích hợp 2 hệ thống quản lý môi trường ISO 9001 và ISO 14001 sang phiên bản 2015
 - Lập kế hoạch triển khai thực hiện áp dụng hệ thống quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001-2007 theo chương trình của Vicem.
 - Giảm thiểu độc hại, tăng cường công tác vệ sinh môi trường và kỷ luật, an toàn lao động; Lắp đặt các biển hiệu hướng dẫn khách hàng vào Công ty lấy hàng được thuận tiện.
- * Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - Chiến lược thị trường:
 - + Đảm bảo lợi nhuận cho khách hàng, gia tăng giá trị tới khách hàng bằng các dịch vụ vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh.
 - + Lập phương án Logistic, các phương án để điều phối có hiệu quả nhằm đảm bảo nguồn cung liên tục, đầy đủ cho khách hàng, đồng thời giảm chi phí vận tải.
 - + Tăng cường thu thập thông tin thị trường, rà soát lại các chính sách các phương án marketing cho từng phân khúc khách hàng để điều chỉnh việc giao sản lượng và động viên các NPP, hệ thống bán hàng thực hiện mục tiêu.
 - + Sắp xếp hệ thống phân phối (NPPC, CHVLXD, nhà xe kinh doanh). Tiếp tục rà soát và giao các chỉ tiêu theo mô hình BSC (từ mục tiêu sản lượng, thị phần, năng lực vận

tài, năng lực quản lý, năng lực tài chính) cho hệ thống phân phối cụ thể và chặt chẽ hơn trên cơ sở có thưởng, phạt cụ thể, tạo niềm tin cho hệ thống phân phối.

+ Rà soát thị trường, mở rộng độ phủ tới các vùng có thị phần thấp tại các địa bàn cốt lõi.

+ Kiểm soát chặt chẽ thị trường tiêu thụ, kiện toàn và kiểm soát hệ thống phân phối, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên thị trường.

+ Triển khai nghiên cứu, đánh giá chất lượng để sản xuất xi măng cho bê tông thương phẩm phù hợp với các công trình dân dụng, công nghiệp.

+ Triển khai đưa phân khúc PCB40 công nghiệp tại Xi măng Miền Trung vào thị trường ổn định.

+ Tăng cường phối hợp để đẩy mạnh xuất khẩu xi măng và Clinker cùng với Vicem.

+ Tiếp tục củng cố và xây dựng hệ thống, đội ngũ marketing, thương vụ, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khách hàng...

+ Ứng dụng có hiệu quả nguồn lực công nghệ thông tin trong bán hàng và quản lý khách hàng POS/CRM.

+ Thực hiện tốt chính sách chương trình nông thôn mới trên địa bàn Thanh hóa.

- Tối ưu hóa trong hoạt động sản xuất:

+ Kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào và chất lượng, nguồn gốc phụ gia tại các Trạm nghiền.

+ Tối ưu hóa công đoạn khai thác và vận chuyển nguyên liệu.

+ Kiểm soát tiêu hao năng lượng, nâng cao công tác quản lý và tiết kiệm xăng dầu.

+ Tối ưu phối liệu, vận hành sản xuất clinker nâng cao mức nền.

+ Xây dựng quy trình kiểm soát thiết bị, bảo dưỡng phòng ngừa. Giao nhiệm vụ cụ thể và gắn trách nhiệm cho từng đơn vị.

+ Nâng cao khả năng phối hợp nội bộ giữa các đơn vị.

+ Chuẩn hóa các quy trình thí nghiệm, phối liệu, vận hành nhằm mục tiêu là sản xuất Clinker có độ hoạt tính cao, tối ưu hóa tiêu hao điện năng và nhiệt năng.

+ Điều chỉnh tăng tỷ lệ pha phụ gia cho xi măng trên cơ sở điều hành khoa học, linh hoạt, hiệu quả phù hợp với nguồn Clinker sử dụng (tăng tỷ lệ đá vôi, không tăng bazan).

+ Cải tạo NXM tại Quảng Trị, tăng tỷ lệ pha phụ gia và năng suất thiết bị.

+ Nghiên cứu, lập kế hoạch cải tạo các vật tư phụ tùng tồn kho để tái sử dụng.

+ Thực hiện công tác bảo dưỡng thiết bị định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa.

- Hoạt động tài chính:

+ Tiếp tục kiểm soát dòng tiền, cân đối dòng tiền, đàm phán hạ lãi suất... bảo đảm nguồn tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh và trả nợ dự án.

+ Phối hợp kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị, kiểm soát chi phí thông qua các "Trung tâm chi phí".

+ Nâng cao kỹ năng quản lý công nợ nhằm giảm thiểu rủi ro tài chính.

+ Thực hiện đảo nợ, sắp xếp, phân loại các khoản nợ để điều chỉnh kỳ hạn trả vốn, gia hạn nợ phù hợp với khả năng trả nợ của Công ty.

+ Đàm phán với nhà cung cấp để tăng hạn mức và dư nợ chậm trả.

+ Cập nhật diễn biến của thị trường tiền tệ để mua EUR trả nợ dự án.

- + Giám vốn vay lưu động.
- Hoạt động đầu tư:
 - + Triển khai thực hiện dự án chuyển đổi công nghệ NXM đến đóng bao.
 - + Tiếp tục triển khai việc sửa chữa và cải tạo cooler lò 2 nhằm nâng cao công suất và khắc phục hiện tượng dòng sông đỏ.
 - + Tiếp tục triển khai dự án Trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn
 - + Thực hiện mua và nắm giữ 100% cổ phần Công ty CP xi măng Miền Trung.
 - + Tiếp tục triển khai dự án chuyển đổi nâng công suất dây chuyền 1.
 - + Triển khai dự án kho nguyên liệu.
 - + Triển khai dự án nâng cấp mở rộng trạm nghiên Quảng Trị,
 - + Triển khai dự án tận dụng nhiệt thừa để phát điện
 - + Triển khai dự án Mỏ sét Tam Diên
 - + Triển khai dự án nâng công suất mỏ đá Yên Duyên
 - + Dự án mở rộng mỏ sét
- Hoạt động quản trị
 - + Xây dựng chiến lược
 - . Hoàn thiện "chiến lược Công ty giai đoạn 2015 - 2025, tầm nhìn tới 2030.
 - + Tổ chức và nguồn nhân lực
 - . Xây dựng chi tiết lộ trình tái cấu trúc theo chiến lược đặt ra đến năm 2015 - 2025 và tầm nhìn 2030.
 - . Tổng hợp, rà soát, sửa đổi, hoàn chỉnh và ban hành các nội quy, quy chế, quy định nhằm phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động SXKD của Công ty trong.
 - . Nghiên cứu, sửa đổi và từng bước hoàn thiện chính sách tiền lương nhằm đảm bảo sự đãi ngộ công bằng và tạo động lực cho người lao động.
 - . Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức từng bước nâng cao trình độ cho người lao động và trình độ quản lý cán bộ nguồn cho sự phát triển của Công ty.
 - . Tăng cường công tác đánh giá, luân chuyển nhân sự tạo động lực làm việc, khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo.
 - + Công nghệ thông tin
 - . Đổi mới ứng dụng CNTT trong tất cả các mục tiêu phát triển của doanh nghiệp: sản xuất, tài chính, marketing và nhân sự
 - . Ứng dụng quản lý bằng CNTT nhằm thay Đổi cách thức điều hành doanh nghiệp, vận hành cơ chế theo một quy trình chuẩn mực, đồng bộ, thống nhất, khách quan, từng bước thoát khỏi cách thức làm việc thủ công
 - . Xây dựng CNTT là một yếu tố cấu thành phát sinh lợi nhuận, là vũ khí trong phát triển doanh nghiệp, là thước đo để quản lý, đánh giá và giải phóng người lao động
 - . Xây dựng CNTT là công cụ góp phần Đổi mới doanh nghiệp theo từng bước hiện đại, quá trình Đổi mới doanh nghiệp gắn liền với quá trình sử dụng công cụ sản xuất là CNTT là xu thế tất yếu của thời đại
- * Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:
 - Cấp chứng chỉ và áp dụng quy trình quản lý môi trường ISO 14001-2004.
 - Thực hiện triển khai quy hoạch mặt bằng nhà máy theo kế hoạch.

- Giảm thiểu độc hại, tăng cường kỷ luật lao động.
- Đào tạo kỹ năng, truyền thông nâng cao ý thức cho người lao động về: ATLĐ-VSMT-PCCN; đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong sản xuất.
- Xây dựng môi trường xanh sạch đẹp trong và ngoài công ty.
- Thực hiện tốt chương trình 5S.

6. Các rủi ro:

** Kinh tế - xã hội:*

- Kinh tế Thế giới 2016 sẽ chứng kiến diễn biến phức tạp hơn, nhất là tác động đan xen chính sách của các nước lớn và cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng khoảng 3,6% trong năm 2016, thấp hơn con số dự báo trước đó.

- Năm 2016 mục tiêu GDP tăng 6,7%, tỷ lệ lạm phát <5%. Tỷ lệ đầu tư toàn xã hội đạt 31% GDP. Hội nhập quốc tế sâu rộng, Tuy nhiên, những rủi ro nước ta có thể sẽ gặp phải đó là quá trình tái cơ cấu chậm chạp, nợ xấu chưa được xử lý triệt để.

** Ngành xi măng:*

- Thị trường xi măng Việt Nam “cung” vượt “cầu”, sản lượng xuất khẩu Xi măng, Clinker của Việt Nam bị sụt giảm mạnh do phải cạnh tranh trực tiếp về giá từ các quốc gia có sản lượng lớn như Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, dẫn đến cạnh tranh nội địa càng khốc liệt hơn.

- Tổng nguồn cung khoảng >81 triệu tấn, trong đó vừa bổ sung thêm nguồn cung do Xi măng Công thành- Thanh hóa (3 triệu tấn XM/năm) vừa đi vào hoạt động và xi măng Sông Lam (Nghệ An) thuộc tập đoàn Vissai (4 triệu tấn XM/năm) sẽ đưa vào hoạt động vào cuối năm.

- Giá nguyên nhiên liệu tăng: giá điện tăng 7,5%, giá than trong nước tăng.

- Sự phối hợp thị trường của các thành viên trong Vicem còn chông lán.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a, Tổng quan

- Tiêu dùng xi măng cả nước năm 2015 đạt 53,18 triệu tấn, tăng 9,1% so với năm 2014, trong đó sản lượng tiêu thụ xi măng nội địa của VICEM có mức tăng trưởng cao nhất đạt 19,16 triệu tấn (tăng 10,6%), khối xi măng Liên doanh đạt 15,57 triệu tấn (tăng 9%) và khối xi măng khác đạt 18,44 triệu tấn (tăng 7,8%). Thị phần Vicem 36,03% (tăng 0,47% so với năm 2014).

- Theo khu vực, sản lượng tiêu thụ XM ở miền Nam tăng cao nhất 14,3%, miền Bắc tăng 7,8%, và miền Trung tăng 4,4%.

- Tính đến hết 31/12/2015, tổng sản phẩm tồn kho của VICEM là 1,65 triệu tấn; trong đó tồn clinker 1,33 triệu tấn, tương đương đủ cho khoảng 26 ngày sản xuất.

(Nguồn: Tổng Công ty CNXM Việt Nam)

b, Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh

- Tình hình tiêu thụ:

Chỉ tiêu	TH Năm 2015	Mục tiêu Năm 2015	TH Năm 2014	TH/MT (%)	(%) So với cùng kỳ
Xi măng	3.709.369	4.050.000	3.543.818	92%	105%
<i>Nội địa</i>	<i>3.295.333</i>	<i>3.710.000</i>	<i>3.239.434</i>	89%	102%
<i>Xuất khẩu</i>	<i>414.036</i>	<i>340.000</i>	<i>304.384</i>	122%	136%
Clinker	461.845	560.000	752.475	82%	61%
Tổng số	4.171.214	4.610.000	4.296.293	90%	97%

+ Năm 2015 tổng sản phẩm tiêu thụ giảm 3% so với cùng kỳ, tuy nhiên sản lượng tiêu thụ xi măng đã có mức tăng trưởng khá 5%.

+ Thị phần và sản lượng của xi măng Bim Sơn năm 2015 được gia tăng tại những địa bàn cốt lõi như: Hà Nội, Nam Định, Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Trị và sụt giảm tại những địa bàn so với cùng kỳ như: Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

+ Thị hiếu người tiêu dùng tiếp tục có xu hướng thay đổi chuyển từ sản phẩm PCB30 sang sử dụng PCB40. Đặc biệt tiêu thụ xi măng bao giảm và tăng rời.

+ Từ ngày 10/5 đến 30/9/2015 tại trạm nghiền Dung quá phải tạm dừng xuất hàng, mặc dù Công ty đã nỗ lực bổ sung thêm nguồn cung từ Công ty CP xi măng Hải Vân bằng đường bộ và từ Công ty bằng đường sắt và đường thủy tuy nhiên đã không đáp ứng được nhu cầu thị trường tại đây.

- Tình hình sản xuất:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Mục tiêu 2015	Thực hiện 2014	% So sánh với	
				Mục tiêu	Cùng kỳ
Clinker sản xuất	3.063.884	3.090.000	3.041.804	99%	101%
Lò 2	1.261.896	1.257.000	1.225.749	100%	103%
Lò 3	1.801.987	1.833.000	1.816.055	98%	99%
XM tại NM					
XM bột	2.872.358	2.750.000	2.685.944	104%	107%
XM bao	1.764.114	1.806.000	1.850.006	98%	95%
XM tại Q.Trị					
XM bột	236.726	280.000	254.659	85%	93%
XM bao	197.867	189.000	207.625	105%	95%

+ Sản lượng sản xuất Clinker, xi măng đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái; trong đó sản lượng Clinker tăng 1%, sản lượng xi măng bột tăng 7%

- Tình hình tài chính:

Chi tiêu	Thực hiện Năm 2015	Thực hiện Năm 2014	NQ ĐHĐCĐ 2015	So với NQ (%)	So với cùng kỳ (%)
1. Tổng doanh thu	4.152.496	4.332.647	4.192.953	99,0%	95,8%
2. Tổng chi phí	3.892.212	4.276.710	3.972.773	98,0%	91,0%
Giá vốn hàng bán	3.370.930	3.438.168	3.341.034	100,9%	98,0%
Chi phí bán hàng	202.590	280.204	297.449	68,1%	72,3%
Chi phí Quản lý	157.931	173.534	148.179	106,6%	91,0%
Chi phí Tài chính	160.761	384.804	186.111	86,4%	41,8%
3. Doanh thu HĐ TC	75.522	147.016			51,4%
4. Lợi nhuận khác	5.582	3.368	0		165,7%
5. Lợi nhuận SXKD	335.805	202.953	220.180	152,5%	165,5%
6. Tổng LN trước thuế	341.387	206.321	220.180	155,0%	165,5%
7. Tổng LN Sau thuế	262.091	163.190	171.740	152,6%	160,6%
8. Nộp ngân sách NN	146.122	92.012	150.242	97,3%	158,8%
9. Tổng Quỹ Lương	281.000	255.630	259.575	108,3%	109,9%

+ Năm 2015 lợi nhuận trước thuế đạt 341,387 tỷ đồng vượt 55% so với nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 và vượt 66% so với cùng kỳ năm trước.

Các chỉ tiêu cơ bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 nhìn chung đã đạt được so với mục tiêu đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức niêm yết:

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty.

- Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

- Tổ chức bộ máy quản lý của công ty bao gồm: Tổng giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và 01 Kế toán trưởng do Tổng công ty xi măng bổ nhiệm; là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và HĐQT đã thông qua.

* Tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng gồm:

- 09 Phòng ban
- 06 Phân xưởng
- 01 Ban quản lý dự án
- 01 Xí nghiệp tiêu thụ

- 01 Chi nhánh Quảng Trị
- 01 Trạm KD Xăng dầu Ninh Bình
- 01 Ban kiểm toán nội bộ

2.2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

a, Ông Trần Việt Thắng:

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam
 Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/02/1968

Quê quán: An Hoà, Biên Hoà, Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 0 2 2 6 1 7 9 8 5

Địa chỉ thường trú: Số nhà 62 Khu phố 2, P.Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.

Số điện thoại di động: 0903.907.570

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

* Quá trình công tác:

- Từ 10/1989 đến 10/1992: Kỹ sư Ban CBSX - XM Hà Tiên mở rộng.
- Từ 10/1992 đến 06/1994: Kỹ sư tổ đầu tư - Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 07/1994 đến 06/1999: Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Cung ứng, Trưởng đại diện tại Hà Nội - Công ty LD xi măng Sao Mai.
- Từ 06/1999 đến 09/1999: Trợ lý Giám đốc Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 10/1999 đến 06/2001: Phó Giám đốc - Phụ trách xí nghiệp tiêu thụ và dịch vụ xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 06/2001 đến 07/2007: Giám đốc xí nghiệp tiêu thụ và dịch vụ xi măng Hà tiên 1, Phó Giám đốc Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 08/2005 đến 07/2007: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 07/2007 đến 12/04/2010: Trợ lý Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.
- Từ 12/04/2010 đến 15/09/2013: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.
- Từ 15/09/2013 đến nay: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.
- Từ 07/05/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

b, Ông Ngô Sỹ Túc

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn
 Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/01/1959

Quê quán: Xã Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 5 9 7 8 3 0

Địa chỉ thường trú: Đường Chu Văn An, Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại di động: 0912.383.215

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

* Quá trình công tác:

- Từ 01/1984 đến 02/1999: Sau khi tốt nghiệp Đại học ở Hungary vào nhận công tác tại Công ty xi măng Bim Sơn - làm Kỹ thuật viên.

- Từ 03/1999 đến 06/2003: Kỹ thuật viên Ban Quản lý dự án xi măng Bim Sơn.

- Từ 07/2003 đến 05/2004: Phó phòng Cơ khí Công ty xi măng Bim Sơn.

- Từ 06/2004 đến 05/2005: Phó phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Công ty xi măng Bim Sơn.

- Từ 06/2005 đến 10/2005: Biệt phái tại Dự án xi măng Hải Phòng.

- Từ 11/2005 đến 09/2006: Trở lại Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án xi măng Bim Sơn.

- Từ 10/2006 đến 20/01/2010: Phó Giám đốc Ban QLDA xi măng Bim Sơn.

- Từ 20/01/2010 đến 23/12/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn, kiêm Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án xi măng Bim Sơn.

- Từ 18/04/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị

- Từ 24/12/2013 đến nay Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

c, Ông Vũ Văn Hoan

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/04/1958

Quê quán: Xã Nghĩa Phú, Huyện Nghĩa Hưng, Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 8 9 1 3 1 6

Địa chỉ thường trú: Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan: 037.3 767 155

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

* Quá trình công tác:

- Từ 09/1981 đến 04/1983: Kỹ sư, Nhà máy gạch Bim Sơn.

- Từ 05/1983 đến 12/1986: Cán bộ định mức, Nhà máy xi măng Bim Sơn.

- Từ 01/1987 đến 05/1990: Phó phòng CƯ VTTB Công ty xi măng Bim Sơn.

- Từ 05/1990 đến 02/1999: Phó phòng TCLĐ Công ty xi măng Bim Son.
- Từ 03/1999 đến 06/2004: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch, Công ty xi măng Bim Son.
- Từ 07/2004 đến 04/2006: Phó Giám đốc ban quản lý dự án, công ty xi măng Bim Son.
- Từ 05/2006 đến 08/2006: Phó Giám đốc ban quản lý dự án, Công ty cổ phần xi măng Bim Son.
- Từ 09/2006 đến nay: Phó Giám đốc công ty, Giám đốc ban quản lý dự án dây chuyền mới nhà máy XM Bim Son.
- Từ 04/2008 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Son
- Từ 14/02/2014 đến nay: Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần xi măng Bim Son

d, Ông Bùi Hồng Minh

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bim Son
Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/10/1971

Quê quán: Hà Bình, Hà Trung, Thanh Hoá

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 0 1 2 2 6 9 7 9 6

Địa chỉ thường trú: BT5, 262 Nguyễn Huy Tường, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Số điện thoại di động: 0913.289.503

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

*** Quá trình công tác:**

- Từ 10/1992 đến 09/1995: Chuyên viên Tài chính Kế toán - Phòng Kế toán Thống kê Tài chính, Công ty xi măng Hà Tiên 2.
- Từ 10/1995 - 12/1999: Chuyên viên Tài chính Kế toán - Phòng Kế toán Thống kê Tài chính, Tổng công ty xi măng Việt Nam.
- Từ 01/2000 - 03/2001: Phó phòng Kế toán Thống kê Tài chính - Công ty xi măng Bút Sơn
- Từ 04/2001 - 14/02/2002: Trưởng phòng KTTKTC - Công ty xi măng Bút Sơn
- Từ 15/02/2002 - 04/2006: Kế toán trưởng Công ty xi măng Bút Sơn
- Từ 05/2006 - 03/2007: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng Bút Sơn.
- Từ 04/2007 - 05/2008: Giám đốc Ban chuẩn bị thành lập Công ty tài chính - Tổng công ty xi măng Việt Nam.
- Từ 05/2008 - 01/09/2011: Bí thư Chi bộ, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty Tài chính cổ phần xi măng.

- Từ 01/09/2011 đến 24/12/2013: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn,
- Từ 01/09/2011 đến 14/02/2014 : Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn
- Từ 18/04/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Bim Sơn
- Từ 24/12/2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam

e, Ông Nguyễn Thế Lập

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn
 Trưởng Phòng Luật pháp & QHCD - VICEM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/12/1958

Quê quán: Thụy Phương - Từ Liêm - Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 0 1 2 5 0 0 3 6 4

Địa chỉ thường trú: SN 1A - Ngõ 176 - Phố Lê Trọng Tấn Thanh Xuân - Hà Nội

Số điện thoại di động:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác Mỏ lộ thiên - Cử nhân luật - Tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị QG Hồ Chí Minh - Ngoại ngữ : Tiếng Anh trình độ B.

*** Quá trình công tác:**

- Từ 1976 - 1981: Học Đại học Tại Trường Đại học Mỏ địa chất - Phổ yên - Bắc Thái
 - Từ 1982 - 2000: Công tác tại Công ty Xi măng Kiên Lương, Hà Tiên, Kiên Giang (Nay là nhà máy xi măng Kiên Lương thuộc Công ty CP VICEM Hà Tiên 1)
 - + Từ 1982 - 1984 Là Kỹ thuật viên
 - + Từ 1984 - 1990 Là Phó quản đốc Phân xưởng Khai thác Đá
 - + Từ 1990 - 1998 Là Quản đốc Phân xưởng khai thác Đá
 - + Từ 1998 - 2000 Là Phó Giám đốc Công ty xi măng Hà Tiên 2
 - Từ tháng 02/2000 - 05/2010: Là Phó Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu xi măng
 - Từ tháng 05/2010 - 08/2011: Là Phó Phòng Luật Pháp & QHCD VICEM
- Sinh Viên năm thứ I Trường ĐH Luật Hà Nội - Hệ vừa học vừa làm.
- Từ tháng 08/2011 đến nay: Là Trưởng phòng Luật pháp & QHCD VICEM. Tốt nghiệp ĐH Luật Hà nội năm 2014 Chuyên ngành Cử nhân Luật
 - Từ 21/4/2015 đến nay: Được bổ nhiệm là thành viên HĐQT.

f, Ông Doãn Nam Khánh

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/09/1962

Quê quán: Xã Song Lãng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 8 9 1 6 1 0

Địa chỉ thường trú: Khu phố 5, Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan: 037.3 825 453
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

*** Quá trình công tác:**

- Từ 08/1986 đến 08/1988: Kỹ thuật viên nhà máy xi măng Bim Sơn.
- Từ 09/1988 đến 12/1993: Phó bí thư ĐTNCS Hồ Chí Minh nhà máy xi măng Bim Sơn.
- Từ 12/1993 đến 07/1994: Phó bí thư ĐTNCS Hồ Chí Minh Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 08/1994 đến 09/1997: Chuyên viên Phòng KTKH - Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 10/1997 đến 12/1999: Phó Quản đốc xưởng Công trình, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/2000 đến 09/2004: Quản Đốc xưởng SCCT - Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 10/2004 đến 04/2007: Trưởng Phòng KTKH - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/05/2007 đến 07/05/2009: Thành viên HĐQT/Giám Đốc điều hành Công ty CP Bao Bì Bim Sơn.
- Từ 07/05/2009 đến 21/04/2015: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 21/4/2015.

f, Ông Đỗ Tiến Trình

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/06/1979

Quê quán: Xã Xuân Vinh, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 8 4 8 3 0 6

Địa chỉ thường trú: Khu 4 - Lam Sơn - Bim Sơn - Thanh Hóa

Số điện thoại cơ quan:

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

*** Quá trình công tác:**

- Từ tháng 09/2002-11/2002: Hợp đồng thử việc tại Phòng Điều hành sản xuất Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.
- Từ tháng 11/2002-8/2003: Nhân viên vận hành trung tâm Phòng Điều hành sản xuất Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn
- Từ tháng 08/2003-7/2008: Kỹ thuật viên Phòng Điều hành sản xuất Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.
- Từ tháng 07/2008-11/2011: Phó trưởng phòng Phòng Kỹ thuật - Ban quản lý dự án Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn
- Từ tháng 11/2011-1/3/2012: Phụ trách phòng Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

- Từ ngày 01/3/2012 đến nay: Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

- Từ ngày 01/10/2014 đến 10/03/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

- Từ ngày 10/03/2016 đến nay: Miễn nhiệm Phó tổng giám đốc công ty cổ phần xi măng Bim Sơn do chuyển công tác.

g, Ông Nguyễn Văn Châu

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/06/1956

Quê quán: Xã Đồng Văn, Huyện Tân Kỳ, Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 4 5 6 1 7 1

Địa chỉ thường trú: Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan: 037.3 824 789

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

* Quá trình công tác:

- Từ 08/1972 đến 10/1974: Thanh niên xung phong, đội 309 binh trạm 8 Nghệ An.

- Từ 11/1974 đến 04/1981: Sinh Viên Đại học Bách khoa Hà Nội.

- Từ 05/1981 đến 10/1985: Trưởng ca nhà máy xi măng Bim Sơn.

- Từ 01/1985 đến 10/1994: Kỹ thuật viên, Nhà máy xi măng Bim Sơn.

- Từ 11/1994 đến 04/1998: Phó Quản đốc xưởng nghiền, Công ty xi măng Bim Sơn.

- Từ 05/1998 đến 05/2007: Quản đốc xưởng nghiền, Công ty xi măng Bim Sơn.

- Từ 06/2007 đến nay: Phó Giám đốc, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

h, Ông Lê Huy Quân

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/10/1965

Quê quán: Xã Tân Ninh - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 171.135.837 cấp ngày: 05/07/2006 tại: CA Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Phường Ngọc Trạo - Thị Xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

* Quá trình công tác:

- Từ 06/1983 đến 02/1984: Công nhân tiếp nhận nhà máy xi măng.

- Từ 1984 đến 1985: Học trung cấp kế toán, chuyên ngành kinh tế công nghiệp - Trường trung học xây dựng số 1 Thanh Hóa.

- Từ 1987 đến 1992: Học đại học tại chức chuyên ngành kinh tế công nghiệp - Trường đại học bách khoa Hà Nội.
- Từ 03/1984 đến 10/1993: Kế toán xí nghiệp vật tư xây dựng số 405.
- Từ 11/1993 đến 11/2006: Kế toán công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 08/1998 đến 09/1999: Học bồi dưỡng Kế toán Trưởng.
- Từ 2003 đến 2005: Học trung cấp lý luận chính trị - Trường chính trị tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 08/2003 đến 11/2007: Học đại học tại chức, chuyên ngành Kế toán - Trường Đại học Thương mại Hà Nội.
- Từ 09/2007 đến 09/2009: Học Thạc sỹ chuyên ngành Quản Trị Kinh Doanh - Trường đại học HELP.
- Từ 12/2006 đến 01/2012: Phó phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 02/2012 đến 07/2012: Phụ trách phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 08/2012 đến 28/5/2015: Trưởng phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 28/5/2015 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

2.3. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

a, Ông Tạ Duy

Chức vụ hiện tại: Phó ban Thanh tra pháp chế của Tổng công ty CN XM Việt Nam.
Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bim Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/09/1960

Quê quán: Xã Đồng Tiến - Huyện Khoái Châu - Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 0 1 0 4 5 1 1 4 1

Địa chỉ thường trú: Số 14, Ngõ 60, Phố Ngọc Hà, P.Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội.

Số điện thoại di động: 0913.012.912

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

* Quá trình công tác:

- Từ 02/1982 đến 01/1988: Chuyên viên Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói sành sứ - Bộ Xây dựng.
- Từ 02/1988 đến 01/1990: Chuyên viên phòng Kế hoạch Nhà máy gạch Từ Liêm.
- Từ 02/1990 đến 07/1991: Chuyên viên phòng Kế toán TC Liên hiệp các XN Xi măng.
- Từ 08/1991 đến 02/1999: Chuyên viên phòng Kế toán Công ty Xuất nhập khẩu xi măng.
- Từ 03/1999 đến 03/2004: Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kế toán TCTK Công ty Xuất nhập khẩu xi măng.
- Từ 04/2004 đến 12/2005: Trưởng Phòng Kế toán TCTK Công ty Xuất nhập khẩu xi măng.

- Từ 01/2006 đến 06/2010: Kế toán trưởng TCTK Công ty Xuất nhập khẩu xi măng Việt Nam.

- Từ 06/2010 đến nay: Phó ban Thanh tra pháp chế của Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam.

- Từ 26/04/2011 đến 15/4/2016: Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn. (Bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm soát của Công ty từ ngày 26/04/2011).

- Từ ngày 15/4/2016 đến nay: Miễn nhiệm Trưởng ban kiểm soát công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

b, Ông Hà Văn Diên

Chức vụ hiện tại: Phó phòng Kế toán Tài chính Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bim Sơn.
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/12/1961

Quê quán: Hoàng Trinh, Hoàng Hóa, Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 4 9 4 1 6 3

Địa chỉ thường trú: SN 176, Trần Phú, Phường Lam Sơn, TX.Bim Sơn, Thanh Hóa

Số điện thoại cơ quan: 037.3 824.880

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Tài chính

* Quá trình công tác:

- Từ 03/1979 đến 10/1983: Quân nhân QĐND Việt Nam.

- Từ 11/1983 đến 11/1991: NV Kế toán XN Vật tư XD số 405 - Xí nghiệp CU xi măng.

- Từ 12/1991 đến 12/1998: NV Kế toán Trung tâm GD tiêu thụ - Công ty XM Bim Sơn
(Từ 1991 đến 1995: Học tại chức Trường Đại học Tài chính Kế toán).

- Từ 01/1999 đến 11/7/2004: Trưởng ban Kế toán Chi nhánh Công ty CP xi măng Bim Sơn tại Thanh Hóa.

- Từ 12/7/2004 đến 28/2/2006: NV Kế toán Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bim Sơn.

- Từ 01/03/2006 đến nay: Phó phòng Kế toán Tài chính Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bim Sơn.

- Từ 26/04/2011 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bim Sơn (Bổ nhiệm Thành viên BKS từ ngày 26/04/2011)

c, Ông Nguyễn Đức Sơn

Chức vụ hiện tại: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty CP xi măng Bim Sơn
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 23/03/1983

Quê quán: Nga Hưng - Nga Sơn - Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam
CMTND số: 1 7 2 0 4 3 9 9 9
Địa chỉ thường trú: SN 26, Đường Lê Lợi, Khu 2, Lam Sơn, TX. Bim Sơn, Thanh Hóa
Số điện thoại di động:

Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Tài chính

* Quá trình công tác:

- Từ 2002 - 2006: Sinh viên, Chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân.

- Từ Tháng 10/2006 - Tháng 05/2013: Công tác tại Công ty Cổ Phần Xi măng Bim Sơn
+ Từ 2006 - 2011: Là Kế toán tổng hợp - Phòng KT-TK-TC, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

+ Từ 2012 - Tháng 5/2013 Là Trưởng phòng Kế toán - Xi nghiệp tiêu thụ, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

+ Từ 15/05/2013 - 06/06/2013: Là Phó phòng KT-TK-TC, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

- Từ 06/06/2013 - Tháng 11/2013: Là Trưởng phòng Kế toán, Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung.

- Từ tháng 12/2013 đến nay: Là Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

- Từ 21/4/2015 đến nay: Được bổ nhiệm là thành viên Ban Kiểm Soát, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

c, Ông Tăng Xuân Trường

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty
Phó phòng Tổ chức lao động.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/06/1957

Quê quán: Xã Hưng Lộc, Huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 6 2 8 4 5 5

Địa chỉ thường trú: Phường Đông Sơn, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan: 037.3 825 793

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật

* Quá trình công tác:

- Từ 10/1976 đến 08/1980: Bộ đội, Quân đoàn II.

- Từ 09/1980 đến 04/1985: Sinh viên đại học luật Hà Nội.

- Từ 05/1985 đến 09/2000: Nhân viên pháp chế, công ty xi măng Bim Sơn.

- Từ 10/2000 đến 04/2006: Phó phòng tổ chức lao động, Công ty xi măng Bim Sơn.

- Từ 05/2006 đến 21/4/2015: Thành viên ban kiểm soát, Phó phòng Tổ chức lao động, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

- Miễn nhiệm là thành viên Ban kiểm soát từ ngày 21/4/2015.

d, Ông Trịnh Hữu Hạnh

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty
Trưởng phòng kỹ thuật - Ban QLDA Công ty CP xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/05/1957

Quê quán: Xã Cầu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 5 4 5 5 8 6

Địa chỉ thường trú: Phường Lam Sơn, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

*** Quá trình công tác:**

- Từ 08/1978 đến 10/1981: Bộ đội E273-F341A Campuchia.

- Từ 11/1981 đến 06/1983: Học tiếp trường THXD số 3.

- Từ 07/1983 đến 09/1996: Công nhân công ty xi măng Bim Sơn

- Từ 10/1996 đến 04/1999: Cán bộ kỹ thuật, công ty xi măng Bim Sơn

- Từ 05/1999 đến 06/2004: Cán bộ kế hoạch, phòng kế hoạch, Công ty xi măng Bim Sơn.

- Từ 07/2004 đến 04/2006: Phó phòng kỹ thuật, Ban QLDA, Công ty xi măng Bim Sơn.

- Từ 05/2006 đến 10/2009: Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng kỹ thuật - Ban Quản lý dự án, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

- Từ 11/2009 đến 07/2012: Thành viên Ban kiểm soát, Quyền Trưởng phòng kỹ thuật - Ban Quản lý dự án, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

- Từ 08/2012 đến 21/04/2015 : Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng kỹ thuật - Ban Quản lý dự án, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

- Miễn nhiệm là thành viên Ban kiểm soát từ ngày 21/4/2015.

e, Ông Lê Văn Bằng

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Phó phòng Thí nghiệm KCS.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/04/1963

Quê quán: Xã Đồng Lộc, Huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 0 1 5 4 9 1 0

Địa chỉ thường trú: Phường Đông Sơn, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicát

* Quá trình công tác:

- Từ 04/1983 đến 01/1988: Công Nhân xí nghiệp lắp máy 45-1
- Từ 02/1988 đến 12/1994: Công nhân, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/1995 đến 02/1997: Trưởng ca, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 03/1997 đến 04/2006: Kỹ thuật viên, phòng kỹ thuật sản xuất, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 05/2006 đến tháng 04/2007: Ủy viên ban kiểm soát, kỹ thuật viên, phòng kỹ thuật sản xuất, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 05/2007 10/2011: Thành viên ban kiểm soát, Phó phòng kỹ thuật sản xuất, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 11/2011 đến 21/04/2015: Phó phòng TN-KCS, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát từ ngày 21/4/2015.

2.4. Thay đổi trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Thay đổi trong Hội đồng quản trị

- Từ ngày 21/04/2015: Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Doãn Nam Khánh và Bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Thế Lập.
- Từ ngày 21/04/2015: Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với các ông Tăng Xuân Trường; Trịnh Hữu Hạnh; Lê Văn Bằng và bổ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với ông Nguyễn Đức Sơn.
- Từ ngày 15/04/2016: Miễn nhiệm chức danh Trưởng ban Kiểm soát đối với ông Tạ Duy và Bổ nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát đối với ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

a, Tình hình lao động:

Tổng số CBCNV của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015: 1.931 người.

b, Chính sách đối với người lao động:

- Các cán bộ, công nhân viên của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành và thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao trình độ tay nghề của công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty tổ chức các lớp đào tạo mời các cơ quan chức năng, các trường đào tạo lên lớp, bồi dưỡng, nhằm nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ.

- Công ty cũng có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như:

+ Hằng năm, người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động.

- + Hằng năm Công ty đều tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động.
- + Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể 24/24 và Bảo hiểm xã hội cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt theo quy định.
- + Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Thực hiện việc trích bồi dưỡng các chế độ ăn ca, chống nóng và tiền chè nước cho người lao động.
- + Tổ chức nghỉ điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động có sức khoẻ từ loại III trở lên hoặc mới ốm dậy.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a, Các khoản đầu tư lớn:

- + Dự án Dây chuyền mới:
 - Hoàn thành quyết toán và kiểm toán 68/68 gói thầu. Thanh lý thêm 11 gói thầu.
 - Hoàn thành kiểm kê, đánh giá, định giá và bàn giao VTTB dư thừa sau thi công cho Công ty quản lý và sử dụng.
- + Dự án Trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn:
 - UBND tỉnh Thanh Hóa đã giao đất thi công giai đoạn 1 và tiến hành khởi công và đang triển khai xây dựng hàng rào.
- + Dự án Nghiên xi măng đến Đóng bao và kho chứa:
 - Hoàn thành lập, thẩm định dự án ĐTXD và đang xin thỏa thuận phê duyệt của cấp trên.
- + Dự án tuyến băng tải vận chuyển đá sạch, vận chuyển xi măng:
 - Đã lựa chọn và ký kết hợp đồng với các nhà thầu thi công
- + Dự án mở rộng nâng cấp đường Trần Nhân Tông
 - Hoàn thành công tác lập dự án đầu tư và đang tiến hành thẩm định hồ sơ
- + Dự án cải tạo đường Trần Hưng Đạo
 - Đã lựa chọn được nhà thầu thi công và đang tổ chức thi công.
- + Dự án sửa chữa và cải tạo cooler lò nung số 2
 - Hoàn thành lập, phê duyệt dự án, hồ sơ mời thầu. Xong đang xem xét lại Phương án kỹ thuật theo đề xuất của IKN - chi phí đầu tư thấp hơn.

b, Các công ty con, công ty liên kết:

* Tình hình hoạt động:
 Công ty cổ phần xi măng Miền Trung (CRC) nằm trên địa bàn khu kinh tế Dung Quất - Tỉnh Quảng Ngãi với công suất thiết kế 500.000 tấn/năm. Sau thời gian đầu tư xây dựng đến ngày 01/05/2013 CRC chính thức kết thúc giai đoạn dự án chuyển sang giai đoạn sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2015 với rất nhiều khó khăn cả trong sản xuất và tiêu thụ, tuy nhiên với những nỗ lực của Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn cũng như nội tại CRC. CRC đã có những kết quả khả quan:

- Tổng sản phẩm sản xuất: 139.099 tấn

- Tổng sản phẩm tiêu thụ: 139.801 tấn.

- Thị phần tại Quảng Ngãi: 34 %.

Năm 2016 với mục tiêu tiêu thụ 350.000 tấn/năm CRC đã có những mục tiêu hành động cụ thể:

- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp thiết bị để đưa năng suất vượt công suất thiết kế.

- Tìm nguồn nguyên liệu phụ gia cung cấp ổn định, đạt chất lượng thương thảo hạ giá mua vào một cách hợp lý.

- Ổn định chất lượng các chủng loại sản phẩm cung cấp.

- Tìm kiếm thêm các khách hàng mới để gia tăng sản lượng.

- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị, tiết giảm chi phí.

* Tình hình tài chính của công ty con CRC:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	339.136	314.266	-7%
Doanh thu thuần	96.994	42.172	-57%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.194	-24.180	-2125%
Lợi nhuận khác	135	-6.180	-4678%
Lợi nhuận trước thuế	1.328	-30.360	-2386%
Lợi nhuận sau thuế	1.328	0	-100%

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	5.429	4.984	-8%
Doanh thu thuần	4.263	4.152	-3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	202,953	335,805	65%
Lợi nhuận khác	3,368	5,582	66%
Lợi nhuận trước thuế	206,321	341,387	65%
Lợi nhuận sau thuế	163,190	262,091	61%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2014	2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,5	0,45	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,3	0,22	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,7	0,66	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,7	1,91	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	9,4	7,21	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,8	0,83	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05	0,08	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 95.661.397 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 95.661.397 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

- Nhà nước: 69.972.062 cổ phần, chiếm 73,146%.
- Cá nhân và các tổ chức khác: 25.689.335 cổ phần, chiếm 26,854%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2015, Công ty không chào bán cổ phiếu, không phát hành cổ phiếu thưởng

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015, tiếp tục là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và ngành xi măng nói riêng... Tuy nhiên, bằng nỗ lực vượt bậc của mình, Công ty đã đạt được những thành tích đáng kể, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2015 đã đề ra. Cụ thể:

Tổng tiêu thụ năm 2015 (tấn)

Chỉ tiêu	TH 2014	TH 2015	KH 2015	% So sánh với	
				TH 2014	KH 2015
Tổng tiêu thụ	4.325.602	4.171.214	4.097.000	96%	102%
Xi măng	3.573.126	3.709.369	3.582.000	104%	104%
Clinker bán	752.475	461.845	515.000	61%	90%

Sản lượng tiêu thụ tại các địa bàn (tấn)

Địa bàn	Năm 2014	Năm 2015			So với 2014
		TH	KH	% HT	
Hà Nội	448.470	494.595	420.111	118%	110%
Hòa Bình; Sơn La	54.146	56.267	53.067	106%	104%
Nam Định	324.763	359.071	353.778	101%	111%
Thanh Hóa	1.021.531	1.131.247	1.017.111	111%	111%
Nghệ An	266.691	288.740	243.222	119%	108%
Hà Tĩnh	399.367	395.162	428.956	92%	99%
Quảng Bình	74.363	98.397	75.178	131%	132%
Quảng Trị	201.538	205.940	181.311	114%	102%
T.T.Huế	61.033	47.693	66.333	72%	78%
Đ.N; Q.N; Q.Ng	298.475	191.663	442.222	43%	64%
Xuất khẩu, xuất khác	1.175.225	902.438	815.711	111%	77%

Thị phần tại các địa bàn (%)

STT	Địa bàn	TH 2014	TH 2015	So sánh cùng kỳ (+/-%)
1	Hà Nội	40,00%	36,60%	3,40%
2	Nam Định	35,00%	32,20%	2,80%
3	Thanh Hóa	55,00%	49,20%	5,80%
4	Nghệ An	13,00%	12,40%	0,60%
5	Hà Tĩnh	30,00%	27,30%	2,70%
6	Quảng Bình	30,00%	18,40%	11,60%
7	Quảng Trị	56,00%	48,50%	7,50%
8	T.T.Huế	20,00%	14,00%	6,00%
9	Quảng Ngãi	35,00%	34,40%	0,60%

Kết quả hoạt động sản xuất (tấn)

Chỉ tiêu	TH 2014	TH 2015	KH 2015	% So sánh với	
				TH 2014	KH 2015
Clinker sản xuất	3.041.804	3.063.884	2.915.000	101%	105%
Lò 2	1.225.749	1.261.896	1.166.000	103%	108%
Lò 3	1.816.055	1.801.987	1.749.000	99%	103%
XM bột tại NM	2.685.199	2.872.946	2.627.000	107%	109%
XM bột tại CN Q.Trị	254.659	236.726	260.000	93%	91%

2. Tình hình tài chính

Năm 2015, Công ty đã thực hiện có hiệu quả các giải pháp tài chính

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, đảo các khoản vay có lãi suất cao.
- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị
- Phối hợp lập thủ tục thanh lý tài sản, vật tư ứ đọng không còn sử dụng.
- Đàm phán, thỏa thuận với các nhà cung cấp để: giảm giá bán và thời hạn thanh toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công ty đã tái cấu trúc từ 26 đơn vị còn 19 đơn vị phòng ban, phân xưởng. Thực hiện áp dụng có hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật và quản trị trong sản xuất và quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2016 dự báo nền kinh tế thế giới tăng trưởng khoảng 4%, trong đó Mỹ tăng trưởng 3%, khu vực đồng Euro tăng 1,4%. Tuy nhiên một số nước gặp khó khăn về tài chính và tình hình bất ổn về chính trị sẽ kéo tăng trưởng chậm.

Từ những thách thức nêu trên để phát triển một cách bền vững Công ty đặt ra các mục tiêu phấn đấu và thực hiện trong năm 2016 ở các lĩnh vực cụ thể như sau:

- Clinker sản xuất: 2.950.000 tấn
- Tiêu thụ sản phẩm: 4.100.000 tấn
- Trong đó: Xi măng: 3.650.000 tấn; Clinker: 450.000 tấn
- Doanh thu thuần: 4.061,483 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 260,61 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 203,27 tỷ đồng
- Dự kiến mức cổ tức: 10%/năm

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2015

Tiêu dùng XM nội địa đạt 53,18 triệu tấn, tăng 9,1% so với cùng kỳ, trong đó VICEM tăng trưởng cao nhất: 19,16 triệu tấn (tăng 10,6%), khối Liên doanh tăng 9% và khối XM khác tăng 7,8%. Thị phần Vicem 36,03% (tăng 0,47%). Theo khu vực, miền Nam tăng 14,3%, miền Bắc tăng 7,8%, và miền Trung tăng 4,4%.

Thị trường xi măng trong nước cung vẫn vượt cầu trên 20 triệu tấn/năm (Dư cung khoảng 25% sản lượng sản xuất, khả năng này còn kéo dài trong nhiều năm nữa).

Nhìn chung nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành xi măng nói riêng trong năm 2015 có chuyển biến nhưng chậm chạp.

Trước bối cảnh khó khăn đó, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt công tác SXKD của Công ty thông qua các chủ trương, giải pháp đồng bộ bằng những Nghị quyết cụ thể, linh hoạt đáp ứng được sự phát triển của Công ty.

Duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm. Hầu hết mức tiêu hao vật tư giảm so với định mức; Nâng cao được mức nền Clinker so với năm 2014 (đặc biệt từ quý IV/2015), tỷ lệ sử dụng Clinker trong xi măng ở mức thấp góp phần hạ giá thành sản phẩm; Tiêu hao than trung bình cả 02 lò thấp hơn năm 2014 khoảng 14 kcal/kg clk.

- Đã hoàn thành quyết toán vốn của dự án dây chuyền mới theo quy định.

- Đã triển khai ký hợp đồng với nhà thầu vận định giá tài sản thanh lý dây chuyền 1 theo quy định triển khai các dự án dở dang của năm 2015 chuyển sang như dự án chuyển đổi công nghệ nghiền - đóng bao...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo nghị quyết các cuộc họp.

- Năm 2015, Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ một cách linh hoạt, sáng tạo theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Bim sơn. Bám sát kế hoạch ngân sách của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị để có biện pháp điều hành linh hoạt trong sản xuất kinh doanh, phối hợp nhịp nhàng giữa sản xuất và tiêu thụ; thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Kết quả đạt được theo báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán. Đảm bảo kết quả kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2016 dự báo nền kinh tế có mức tăng trưởng cao hơn năm 2015, tuy nhiên Ngành xi măng nói chung và xi măng Bim Sơn nói riêng tiếp tục sẽ gặp khó khăn thách thức trong thời gian tới do nguồn cung xi măng trong nước vẫn tiếp tục vượt cầu, thị trường xuất khẩu tiếp tục sự cạnh tranh khốc liệt từ các nhà sản xuất xi măng như Thái Lan, Trung Quốc...ngoài ra áp lực trả nợ vay của các dự án, giá điện tăng, các thị trường diễn biến phức tạp và ngày càng quyết liệt hơn,...

Từ những thách thức nêu trên, để đạt được các mục tiêu sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo một số nội dung chính, như sau:

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Clinker sản xuất: 2.950.000 tấn.
- Tiêu thụ sản phẩm: 4.100.000 tấn. Trong đó: XM 3.650.000 tấn; CLK: 450.000 tấn.
- Doanh thu thuần: 4.061,483 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 260,608 tỷ đồng.
- Dự kiến mức cổ tức: 10%/năm trả bằng cổ phiếu.

2. Một số biện pháp chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ:

2.1. Về hoạt động sản xuất:

- Tập trung duy trì ổn định hoạt động sản xuất sau khi thực hiện tái cấu trúc.
- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai thực hiện nhằm cải thiện chất lượng clinker trung bình 56 MPa và tiêu hao than ≤ 800 kcal/kg clinker.
- Khẩn trương triển khai các thủ tục liên quan trong việc cải tạo hệ thống cooler 2, hệ thống DCS dây chuyền 2 nhằm nâng cao năng suất thiết bị và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Thực hiện sửa chữa, cải tạo hệ thống máy nghiền xi măng tại CN Quảng Trị.
- Tăng cường công tác an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo môi trường Xanh - Sạch - Đẹp.

2.2. Về hoạt động tiêu thụ:

- Đánh giá quá trình sắp xếp lại hệ thống NPP. Thực hiện tốt công tác chăm sóc và gia tăng lợi ích cho khách hàng.
- Đầu tư nguồn lực để tăng thị phần và sản lượng tại địa bàn miền Trung.
- Đẩy mạnh tiêu thụ xi măng rời.
- Phối hợp với các đơn vị thành viên trong Vicem, giữ vững thị phần của Vicem, đặc biệt là thị trường Miền Trung.

2.3. Về hoạt động đầu tư xây dựng:

- Về Dự án Cảng Lèn: Khẩn trương quyết toán Cảng Lèn và phương án phân bổ chi phí đầu tư theo quy định hiện hành.
- Về việc mua cổ phần còn lại của các cổ đông khác (3.006.720 cổ phần, tương ứng với 23,2%) tại Công ty cổ phần Xi măng Miền Trung:

Xây dựng phương án cụ thể (Đánh giá mức độ cần thiết của việc mua lại cổ phần; Thuê Công ty định giá xác định giá trị, đề xuất giá mua,...) trên cơ sở đảm bảo tính chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án chuyển đổi công nghệ hệ thống nghiền xi măng đến đóng bao.

- Triển khai thanh lý dây chuyền 1: Tiếp tục triển khai các thủ tục để tiến hành thanh lý tài sản đảm bảo quy định.

- Tiếp tục triển khai các dự án dở dang của năm 2015 chuyển sang.

2.4. Về hoạt động tài chính:

- Chủ động đàm phán, thương thảo với các tổ chức tín dụng để các khoản vay có lãi suất tối ưu.

- Xây dựng kế hoạch nguồn vốn cho các dự án đầu tư từ nay tới năm 2017 để chủ động trong công tác quản trị dòng tiền.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

- a) Thành phần HĐQT: Gồm 05 thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số CP	Nhà nước	Cá nhân
Trần Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT	21.300.000	21.300.000	
Bùi Hồng Minh	TV.HĐQT - Tổng Giám đốc	13.500.000	13.500.000	
Vũ Văn Hoan	TV.HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	11.710.800	11.700.000	10.800
Ngô Sỹ Túc	TV.HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	10.800.500	10.800.000	500
Nguyễn Thế Lập	TV.HĐQT (Bổ nhiệm ngày 21/4/2015)	9.900.000	9.900.000	
Doãn Nam Khánh	TV.HĐQT (Miễn nhiệm ngày 21/4/2015)	7.200		7.200

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Để triển khai triệt để và có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. Hội đồng quản trị đã tiến hành họp theo định kỳ và ban hành các Nghị quyết của HĐQT. Cụ thể:

Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp theo định kỳ và ban hành 6 Nghị quyết, như sau:

- Nghị quyết số 240/NQ-HĐQT ngày 28/01/2015 về việc thống nhất thông qua các Quy chế nội bộ.

- Nghị quyết số 755^a/NQ-HĐQT-XMBS ngày 31/3/2015 về việc thay đổi nhân sự tham gia quản lý phần vốn của Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn tại Công ty cổ phần Xi măng Miền Trung.

- Nghị quyết số: 751/NQ - HĐQT ngày 31/03/2015 về Kết quả xuất kinh doanh năm 2014, mục tiêu nhiệm vụ quý I năm 2015.

- Nghị quyết số: 2051a/NQ-HĐQT ngày 31/7/2015 về Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm, mục tiêu nhiệm vụ quý 3/2105.

- Nghị quyết số 3142/NQ-HĐQT ngày 30/11/2015 về Kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm, mục tiêu nhiệm vụ quý 4/2105.

- Nghị quyết số 473a/NQ-HĐQT ngày 03/3/2016 về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015, mục tiêu nhiệm vụ quý 1 và năm 2016.

Nội dung các Nghị quyết trên tập trung giải quyết một số nội dung trọng tâm sau:

Định hướng và chỉ đạo các giải pháp để thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015, nhiệm vụ cụ thể các Quý trong năm 2015, bao gồm:

- Chỉ đạo các giải pháp ổn định sản xuất, khai thác hiệu quả năng suất thiết bị, cải thiện mức nền Clinker để giảm tỷ lệ sử dụng Clinker trong xi măng, tăng hiệu quả trong hoạt động SXKD.

- Chỉ đạo Công ty thực hiện thực hiện tốt các chính sách bán hàng, công tác phối hợp thị trường giữa các đơn vị trong Vicem nói riêng và trong ngành xi măng nói chung.

- Chỉ đạo công tác tái cấu trúc lại Công ty.

- Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Ban kiểm soát:

a) Thành phần Ban kiểm soát: Gồm 05 thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số CP	Nhà nước	Cá nhân
Tạ Duy	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 15/04/2016)	2.772.062	2.772.062	
Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 15/04/2016)			
Hà Văn Diên	TV.BKS - PP.KTTC, Ban QLDA	500		500
Nguyễn Đức Sơn	TV.BKS - PP.TCKT (Bổ nhiệm ngày 21/4/2015)	700		700
Tăng Xuân Trường	TV.BKS - PP.TCLĐ (Miễn nhiệm ngày 21/4/2015)	3.400		3.400
Trịnh Hữu Hạnh	TV.BKS - TP.Kỹ thuật, Ban QLDA (Miễn nhiệm ngày 21/4/2015)	3.200		3.200
Lê Văn Bằng	TV.HĐQT - PP.Thí nghiệm KCS (Miễn nhiệm ngày 21/4/2015)	3.200		3.200

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông năm 2015 đã bầu Ban Kiểm soát mới có 3 người (cũ gồm 5 người). Thực hiện chương trình công tác năm 2015, Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát chung các mặt quản lý trong sản xuất kinh doanh, trong đó tập trung vào công tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, chi phí bán hàng và quản lý công nợ. Trưởng Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Đánh giá về hoạt động năm 2015 của Ban kiểm soát như sau:

Thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2015.

- Tính chính xác, trung thực, hợp pháp, cần trọng trong công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính.

Công ty đã tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính theo đúng Luật Kế toán, chế độ của Nhà nước và Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam quy định. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, đã được kiểm tra, thống nhất các chỉ tiêu như trong báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty.

Báo cáo tài chính năm 2015

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2015 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các mặt trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015.

Sau khi thẩm định, xác nhận các chỉ tiêu chủ yếu về: Doanh thu, chi phí, lợi nhuận, giá trị cơ cấu tài sản và nguồn vốn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty tại thời điểm 31/12/2015 đúng như báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

3. Thư ký công ty:

Gồm các thành viên:

- Ông: Đỗ Tiến Trình - Phó Tổng Giám đốc Công ty, làm nhiệm vụ Thư ký Công ty kể từ ngày 01/11/2014 theo Quyết định 2818/QĐ-XMBS-HĐQT ngày 31/10/2014. (Từ ngày 01/11/2014 đến ngày 10/03/2016)

- Ông Vũ Thế Hà - Phó Tổng Giám đốc Công ty, làm nhiệm vụ Thư ký Công ty kể từ ngày 10/03/2016.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Các Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc không là Thành viên Hội đồng quản trị thì hưởng lương, thưởng theo chế độ và quy định của Công ty.

Các Thành viên Hội đồng quản trị và các Thành viên của Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao mỗi tháng trong năm 2015, cụ thể là:

ĐVT: đồng/người/tháng

TT	Chức danh	Năm 2015
1	Chủ tịch HĐQT	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	4.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	4.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000
5	Thư ký công ty	3.000.000

(*) : Mức thù lao hàng tháng do Đại hội cổ đông thông qua

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

d) *Thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Tập trung duy trì ổn định hoạt động sản xuất sau khi thực hiện tái cấu trúc

Xây dựng hệ thống các quy trình trong quản lý, điều hành của Công ty

VI. Báo cáo tài chính

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: 16 - Phan Chu Trinh - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3831.5100

Fax: (84.4) 3831.5090

Email:

Website: www.ey.com.vn

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.107.847.033.131	1.265.907.601.203
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	158.033.536.811	352.259.961.902
111	1. Tiền		124.239.722.275	141.876.559.694
112	2. Các khoản tương đương tiền		33.793.814.536	210.383.402.208
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		345.237.808.750	449.983.963.258
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	314.827.155.189	398.507.064.805
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	19.987.629.323	32.408.146.671
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	6.832.418.778
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.493.530.216	15.756.622.647
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(3.375.796.216)	(3.520.289.643)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.305.290.238	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	584.127.530.033	445.263.104.977
141	1. Hàng tồn kho		588.332.441.739	447.936.775.770
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(4.204.911.706)	(2.673.670.793)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.448.157.537	18.400.571.066
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	17.824.169.101	18.394.554.453
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		146.506.756	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu NN		2.477.481.680	6.016.613
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.021.813.230.502	4.347.195.149.834
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	7	-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác		19.112.246.560	-
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(19.112.246.560)	-
220	II. Tài sản cố định		3.908.873.293.284	4.178.752.510.114
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.900.243.957.284	4.169.981.424.114
222	Nguyên giá		6.816.575.634.000	6.815.451.617.824
223	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.916.331.676.716)	(2.645.470.193.710)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	8.629.336.000	8.771.086.000
228	Nguyên giá		10.578.949.028	10.720.699.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.949.613.028)	(1.949.613.028)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	43.469.109.222	75.636.577.239
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		43.469.109.222	75.636.577.239
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		69.470.827.996	92.806.062.481
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	41.043.886.353	62.713.879.713
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		16.215.173.395	16.215.173.395
269	3. Lợi thế thương mại	13	12.211.768.248	13.877.009.373
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.129.660.263.633	5.613.102.751.037

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.427.487.210.403	4.141.980.663.762
310	I. Nợ ngắn hạn		2.689.123.750.992	2.703.090.703.789
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	866.404.203.877	680.574.255.777
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.578.764.084	6.948.160.692
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	73.249.469.639	47.627.949.459
314	4. Phải trả người lao động		79.343.333.143	51.656.897.789
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	44.328.564.752	42.543.826.213
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	17	31.037.861.537	26.176.085.971
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	1.578.623.733.758	1.846.712.284.189
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.436.820.380	851.243.699
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.120.999.822	-
330	II. Nợ dài hạn		738.363.459.411	1.438.889.959.973
337	7. Phải trả dài hạn khác		10.693.000	10.693.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	738.352.766.411	1.438.879.266.973
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.702.173.053.230	1.471.122.087.275
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.702.173.053.230	1.471.122.087.275
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu [Vốn cổ phần]	19.1	956.613.970.000	956.613.970.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		956.613.970.000	956.613.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	57.006.601.053	57.006.601.053
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	324.849.975.232	305.217.975.232
421	4. [Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ Lỗ lũy kế]	19.1	346.696.337.782	128.233.738.993
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế/ lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		86.476.791.577	(23.237.555.293)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ lỗ kỳ này		260.219.546.205	151.471.294.286
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	17.006.169.163	24.049.801.997
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.129.660.263.633	5.613.102.751.037

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	4.153.080.066.675	4.264.332.074.485
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	4.153.080.066.675	4.264.332.074.485
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(3.377.946.800.581)	(3.418.907.993.241)
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		775.133.266.094	845.424.081.244
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	75.797.444.678	147.902.811.680
22	7. Chi phí tài chính	24	(147.753.215.654)	(398.460.510.731)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(146.621.082.449)	(221.114.266.341)
24	8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	(202.590.203.575)	(210.590.938.316)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(167.310.459.018)	(182.387.408.211)
30	11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		333.276.832.525	201.888.035.666
31	12. Thu nhập khác	26	15.261.312.384	95.255.782.151
32	13. Chi phí khác	26	(15.859.631.994)	(91.753.033.045)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	26	(598.319.610)	3.502.749.106
50	15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		332.678.512.915	205.390.784.772
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(79.295.899.544)	(43.130.929.520)
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	
60	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		253.382.613.371	162.259.855.252
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		260.426.246.205	162.089.353.571
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20	(7.043.632.834)	170.501.681
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.722	1.467
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	2.722	1.467

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		332.678.512.915	205.390.784.772
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		286.371.598.189	330.577.604.551
03	Các khoản dự phòng		21.084.570.727	4.298.039.581
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(40.491.528.846)	29.282.521.777
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.740.722.037)	(6.150.052.646)
06	Chi phí lãi vay	24	146.621.082.449	221.114.266.341
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		743.523.513.397	784.513.164.376
09	Giảm các khoản phải thu		78.377.312.885	16.773.530.632
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(140.395.665.969)	12.303.273.982
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		247.643.101.215	(63.403.896.256)
12	Giảm chi phí trả trước		22.240.378.712	23.512.923.861
14	Tiền lãi vay đã trả		(149.754.568.872)	(225.295.220.045)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28	(37.972.144.020)	(787.751.152)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.681.832.860)	(3.904.334.937)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		750.980.094.488	543.711.690.461
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(16.862.269.597)	(24.531.461.688)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.283.960.035	1.929.452.728
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(554.032.418.778)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.832.418.778	635.232.418.778
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(26.679.352.697)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		859.256.885	5.013.118.394
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Đ.tư		(6.886.633.899)	36.931.756.737

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Tiền thu từ đi vay		2.398.037.405.981	2.400.022.598.776
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.328.976.626.491)	(2.758.419.644.556)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.380.665.170)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(938.319.885.680)	(358.397.045.780)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(194.226.425.091)	222.246.401.418
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		352.259.961.902	131.893.562.231
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(1.880.001.747)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	158.033.536.811	352.259.961.902

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.167.190.262.915	1.283.001.920.307
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	146.324.640.784	334.562.473.236
111	1. Tiền		117.537.492.915	124.179.071.028
112	2. Các khoản tương đương tiền		28.787.147.869	210.383.402.208
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		424.296.573.067	496.137.643.111
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	341.813.155.328	421.312.571.891
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	77.222.765.032	60.655.061.720
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	6.832.418.778
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.404.429.850	10.857.880.365
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(3.143.777.143)	(3.520.289.643)
140	III. Hàng tồn kho	8	576.273.414.896	435.556.696.059
141	1. Hàng tồn kho		580.478.326.602	438.230.366.852
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.204.911.706)	(2.673.670.793)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		20.295.634.168	16.745.107.901
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	17.824.169.101	16.745.107.901
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		2.471.465.067	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.816.596.821.456	4.145.637.234.124
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	7	-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác		19.112.246.560	-
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(19.112.246.560)	-
220	II. Tài sản cố định		3.640.841.153.706	3.897.368.365.906
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.632.211.817.706	3.888.597.279.906
222	Nguyên giá		6.502.840.812.512	6.504.438.415.954
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.870.628.994.806)	(2.615.841.136.048)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	8.629.336.000	8.771.086.000
228	Nguyên giá		10.578.949.028	10.720.699.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.949.613.028)	(1.949.613.028)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		43.222.045.731	75.636.577.239
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	43.222.045.731	75.636.577.239
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	92.873.345.097	116.190.198.618
251	1. Đầu tư vào công ty con		116.190.198.618	116.190.198.618
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(23.316.853.521)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		39.660.276.922	56.442.092.361
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	23.445.103.527	40.226.918.966
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		16.215.173.395	16.215.173.395
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.983.787.084.371	5.428.639.154.431

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.273.803.483.491	3.958.415.393.465
310	I. Nợ ngắn hạn		2.598.138.883.083	2.605.196.292.495
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	827.810.398.532	634.808.342.250
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.578.764.084	6.948.160.692
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	73.241.789.639	47.430.295.577
314	4. Phải trả người lao động		78.522.609.013	50.350.374.058
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	40.261.351.989	34.583.565.029
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	19.970.114.229	15.064.445.779
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	1.542.196.035.395	1.815.159.865.411
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.436.820.380	851.243.699
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.120.999.822	-
330	II. Nợ dài hạn		675.664.600.408	1.353.219.100.970
337	1. Phải trả dài hạn khác		10.693.000	10.693.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	675.653.907.408	1.353.208.407.970
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.709.983.600.880	1.470.223.760.966
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.709.983.600.880	1.470.223.760.966
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		956.613.970.000	956.613.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		956.613.970.000	956.613.970.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.006.601.053	57.006.601.053
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		324.849.975.232	305.217.975.232
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		371.513.054.595	151.385.214.681
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		109.628.267.265	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		261.884.787.330	151.385.214.681
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.983.787.084.371	5.428.639.154.431

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	4.152.495.503.338	4.263.034.080.278
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	4.152.495.503.338	4.263.034.080.278
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	3.370.930.398.659	3.438.167.782.139
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		781.565.104.679	824.866.298.139
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	75.521.881.088	147.015.521.820
22	7. Chi phí tài chính	23	160.760.571.973	384.803.869.506
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>136.311.585.247</i>	<i>207.457.625.116</i>
25	8. Chi phí bán hàng	24	202.590.203.575	210.590.938.316
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	157.930.829.695	173.533.863.806
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		335.805.380.524	202.953.148.331
31	11. Thu nhập khác	25	15.259.661.749	100.106.998.796
32	12. Chi phí khác	25	9.677.655.399	96.739.042.270
40	13. Lợi nhuận khác	25	5.582.006.350	3.367.956.526
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		341.387.386.874	206.321.104.857
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	79.295.899.544	43.130.929.520
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		262.091.487.330	163.190.175.337

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		341.387.386.874	206.321.104.857
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		268.699.724.816	312.793.039.840
03	Các khoản dự phòng		44.169.405.175	4.298.039.581
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(40.491.528.846)	29.282.521.777
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.471.825.114)	(6.037.454.148)
06	Chi phí lãi vay	23	136.311.585.247	207.457.625.116
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		747.604.748.152	754.114.877.023
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		43.338.631.923	(15.734.252.736)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(142.247.959.750)	14.459.450.498
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		259.958.061.731	(63.511.995.059)
12	Giảm chi phí trả trước		15.702.754.239	29.871.772.985
14	Tiền lãi vay đã trả		(140.505.104.324)	(210.290.926.303)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27	(37.972.144.020)	(787.751.152)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.210.035.866)	(5.606.793.799)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD		735.668.952.085	502.514.381.457
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(16.199.389.743)	(17.484.800.245)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.283.960.035	1.929.452.728
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(554.032.418.778)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.832.418.778	635.232.418.778
25	Tiền chi Đ.tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(34.517.975.040)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		583.693.295	4.900.519.897
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(6.499.317.635)	36.027.197.340

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Tiền thu từ đi vay		2.398.037.405.981	2.400.022.641.217
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.308.064.207.713)	(2.733.152.152.596)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.380.665.170)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(917.407.466.902)	(333.129.511.379)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(188.237.832.452)	205.412.067.418
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		334.562.473.236	131.030.407.565
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(1.880.001.747)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	146.324.640.784	334.562.473.236

Bim Sơn, ngày 19 tháng 4 năm 2016

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ngô sỹ Túc